

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-PT
Ngày: 30 - 3 - 2022
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải;

Ông Thái Văn Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Bảo Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh A: Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2021/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 211/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2021, và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 16/2022/TB-TA ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Chiêu A, sinh năm 1951; (Vắng mặt)

Số 59, đường Nguyễn Thị Lựu, phường 4, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Chiêu A: Ông Nguyễn Trường Th, sinh năm 1997; địa chỉ thường trú: Số 70, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy ủy quyền được Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp chứng thực, số chứng thực 201/2020, quyền số 01/2020-SCT/HĐ,GD, ngày 31/12/2020). (Có mặt)

2. *Đồng bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị Bông E, sinh năm 1983. (Có mặt)

2.2. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Cùng ngụ tại căn nhà liền kề số 490, ấp Trung, xã Mỹ Hiệp, huyện CM, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bông E:

Ông Phan Văn Được, sinh năm 1954; nơi cư trú: Bình Khánh 7, phường Bình Khánh, thành phố LX, tỉnh A. (Theo giấy ủy quyền ngày 14/12/2021). (Có mặt)

* *Luật sư* Phạm Hoàng Đức – Công ty Luật hợp doanh Anh Em Luật sư – Chi nhánh Đồng Tháp – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Chiêu A. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2020 và các lời khai nguyên đơn: Đại diện theo ủy quyền hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trường Th trình bày: Do quen biết nên ông Chiêu A có cho bà Nguyễn Thị Bông E vay nhiều lần vào các ngày vay 23/10/2017 đến hạn trả là ngày 23/01/2018 số tiền 50.000.000 đồng. Ngày vay lần hai 04/02/2018 và ngày trả 04/4/2018 số tiền 50.000.000 đồng gồm 5.000.000 đồng và 500 đô la Mỹ. Tổng số tiền vay 02 lần là 66.337.500 đồng, tiền lãi tính đến ngày 16/10/2020 là 17.738.800 đồng. Tổng cộng 84.076.300 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đối với số tiền vay là 66.337.500 đồng từ ngày 17/10/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Do đến hạn thanh toán bà Bông E không thực hiện việc trả nợ nên ông yêu cầu bà Bông E và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Chiêu A tổng số tiền 84.076.300 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/10/2020 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2021/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM đã quyết định:

Căn cứ :

Điều 27 Luật hôn nhân gia đình;

- Các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Các Điều 26, 35, 126, 146, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chiêu A.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với phần tính lãi suất.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Bông E và ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Chiêu A số tiền tiền 84.076.300 (Tám mươi bốn triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/3/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Bông E kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện CM.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Th - Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất quan điểm với luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm:

- Hợp đồng vay tài sản là có thật, hợp pháp, căn cứ vào các luận cứ sau:

+ Biên nhận nợ ngày 23/10/2017: ông H và bà Bông E vay của ông Chiêu A 50.000.000 đồng, do ông bà ký tên, ông H viết họ tên. Biên nhận nợ ngày 04/02/2018: ông H và bà Bông E vay của ông Chiêu A 5.000.000 đồng và 500 đô la 2M\$ (quy đổi 22.675 đồng/01 đô la), do H ký tên, viết họ tên.

+ Các đồng bị đơn đã được Toà án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản, biết được nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của ông Chiêu A nhưng không có văn bản nêu ý kiến hay yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Trong suốt quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm các bị đơn đều vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn H vẫn vắng mặt không lý do (lần thứ 2).

+ Kể từ khi làm biên nhận nợ đến nay bà Bông E và ông H không có chứng cứ chứng minh đã trả nợ xong cho ông Chiêu A.

+ Theo Giấy xác nhận ngày 24/3/2022 của bà Phan Thị Thu Thuỷ (là người nuôi dưỡng cháu Nguyễn Viết Hiếu là con của ông H và bà Bông E tại nhà trẻ Bìn Bìn) xác nhận có nghe bà Bông E nói ông H bà Bông E có mượn tiền của ông H khoảng 60.000.000 đồng. Mượn 02 lần, một lần vào cuối tháng 10/2017 và một lần vào giữa tháng 2/2018. Ông Chiêu A không lấy lãi.

- Ông Chiêu A yêu cầu bà Bông E, ông H trả nợ gốc và lãi là có cơ sở để chấp nhận:

+ Các biên nhận nợ (ngày 23/10/2017 và 04/02/2018) đều không thỏa thuận lãi, có thỏa thuận về thời hạn trả. Các đồng bị đơn pH trả lãi 0.83%/tháng tính từ thời hạn trả đến ngày ông Chiêu A khởi kiện, là có cơ sở.

+ Ông H và bà Bông E vẫn là vợ chồng hợp pháp trong thời điểm vay nợ. Đến tháng 11/2018 ông bà mới có bản án ly hôn. Nếu có chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì ông bà pH liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn.

+ Bản án ly hôn của ông H và bà Bông E nhận định “...Vợ chồng không còn chung sống từ đầu năm 2017 cho đến nay...” là không đúng so với thực tế khách quan, vì Biên nhận ngày 23/10/2017 (có chữ ký của H và Bông E) và Biên nhận ngày 04/02/2018 (chỉ có H ký tên): Nội dung của 02 Biên nhận này được viết trên Giấy CMND của bà Bông E có chứng thực. Vì vậy, ông H pH có bản chính Chứng minh nhân dân của bà Bông E, chứng tỏ hai người còn sống chung với nhau.

Như vậy, ông H và bà Bông đã vay tiền của ông Chiêu A trước khi có Bản án ly hôn của TAND huyện CM. Theo quy định tại Điều 37 Luật HNGĐ 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng thì ông H, bà Bông E pH có nghĩa vụ liên đới trả tiền còn nợ cho ông Chiêu A.

Từ các cơ sở và tranh luận trên, kính đề nghị HĐXX tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bông E.
- Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Bông E cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Chiêu A tổng số tiền là 84.076.300 đồng và tiền lãi chậm thi hành án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bông E là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án:

Theo bản án HNGĐ sơ thẩm số 265/2018/HN-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM bà Bông E và ông H đã ly thân không còn sống chung với nhau nữa vào năm 2017. Nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn thì ông H, bà Bông E cùng nhau vay tiền để sản xuất kinh doanh, là có sự mâu thuẫn, nhưng cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ về vấn đề này.

Hồ sơ vụ án thể hiện ông H và bà Bông E đã ly hôn vào năm 2018, đã được Tòa án nhân dân huyện CM giải quyết theo bản án số 265/2018/HN-ST ngày 30/11/2018. Sau khi ly hôn ông H không còn chung sống với bà Bông E và đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Căn cứ vào sổ hộ khẩu mà bà Bông E cung cấp cho Tòa án thì ông H cũng không có tên trong sổ hộ khẩu này. Nhưng khi thụ lý giải quyết vụ án, mọi văn bản tố tụng cấp sơ thẩm tổng đạt cho ông H theo địa chỉ của bà Bông E mà không xác minh cũng như yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của ông H, nhưng lại nhận định đã tổng đạt hợp lệ cho ông

H, để từ đó hòa giải và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H là chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ đó cho thấy việc tổng đạt của Tòa án cấp sơ thẩm cho ông H là chưa hợp lệ, chưa đúng với quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất từ ngày 17/10/2020 đến khi xét xử sơ thẩm, tại phiên tòa ông Thái đại diện theo ủy quyền của ông Chiêu A rút lại yêu cầu nên cấp sơ thẩm đình chỉ là phù hợp.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Bông E rút lại yêu cầu kháng cáo về giám định chữ ký của Bà trong biên nhận nợ. Những bà Bông E cung cấp 02 giấy vay tiền có chữ ký Bông E để chứng minh chữ ký của bà không giống chữ ký trong tờ vay tiền ông Chiêu A.

Với các thiếu sót vi phạm nghiêm trọng thủ tục như trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bông E; Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện CM giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bông E kháng cáo làm trong hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bông E, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về tố tụng:

Trong hồ sơ vụ án thể hiện ông H và bà Bông E đã ly hôn vào năm 2018, đã được Tòa án nhân dân huyện CM giải quyết theo bản án số 265/2018/HN-ST ngày 30/11/2018. Sau khi ly hôn ông H không còn chung sống với bà Bông E và đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Căn cứ vào sổ hộ khẩu mà bà Bông E cung cấp cho Tòa án thì ông H cũng không có tên trong sổ hộ khẩu này. Nhưng khi thụ lý giải quyết vụ án, mọi văn bản tố tụng cấp sơ thẩm tổng đạt cho ông H theo địa chỉ của bà Bông E mà không xác minh cũng như yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của ông H, nhưng lại nhận định đã tổng đạt hợp lệ cho ông H, để từ đó hòa giải và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H là chưa đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bà Bông E, mọi thủ tục tổng đạt của Tòa án CM bà Bông E cũng không trực tiếp nhận. Việc nhận văn bản tổng đạt của Tòa án đều thể hiện do Lê

Thanh Huệ (cháu của bà Bông E) nhận thay. Nhưng trong đó lại có Biên bản tổng đạt ngày 27/11/2020 có chữ viết và chữ ký của Lê Thanh Huệ khác xa so với chữ ký chữ viết của Lê Thanh Huệ trong Biên bản tổng đạt ngày 09/02/2021, điều này thể hiện không do cùng một người ký nhận. Mặc khác tại các Biên bản tổng đạt có trường hợp tổng đạt cho bà Bùi Thị Kiểm (là chị dâu của bà Bông E) nhận thay, nhưng theo lời trình bày của bà Bông E tại phiên tòa phúc thẩm bà Kiểm sinh sống ở thành phố Cao Lãnh, không ở cùng nhà, cũng như không có tên trong sổ hộ khẩu với bà Bông E, chỉ tình cờ về nhà bà chơi, nhưng cấp sơ thẩm lại tổng đạt văn bản tố tụng cho bà Kiểm nhận thay cho bà Bông E là không đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ đó cho thấy việc tổng đạt của Tòa án cấp sơ thẩm cho ông H, bà Bông E là chưa hợp lệ, chưa đúng với quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H, bà Bông E là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2.2] Về nội dung:

Theo nhận định của bản án HNGĐ sơ thẩm số 265/2018/HN-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM bà Bông E và ông H đã ly thân không còn sống chung với nhau nữa vào năm 2017. Nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn thì ông H, bà Bông E cùng nhau vay tiền để sản xuất kinh doanh, lời khai này có sự mâu thuẫn, nhưng cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ về vấn đề này. Mặc khác theo 02 biên nhận vay tiền phía nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bà Bông E, qua đối chiếu hoàn toàn khác xa với các chữ ký của bà Bông E, không được bà Bông E thừa nhận, do bà Bông E không nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt, nên bà không thể yêu cầu giám định chữ ký của mình được.

Trong phần nhận định của bản án DSST số 16/2021 ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện CM lại cho rằng toàn bộ số tiền trên là của bà Bông E vay trực tiếp của ông Chiêu A, ông H là chồng của bà Bông E trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại nên ông H pH chịu trách nhiệm liên đới trả cùng bà Bông E số nợ cho ông Chiêu A là chưa đúng với sự thật khách quan của vụ án. Bởi lẽ tại Biên nhận vay tiền lần 1 ngày 23/10/2017 đều có chữ ký của ông H, bà Bông E; Biên nhận vay tiền lần 2 ngày 04/02/2018 thì chỉ có chữ ký của ông H, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng khẳng định chữ viết trong các tờ biên nhận nói trên là của ông H.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, các biên nhận vay tiền do nguyên đơn cung cấp, để quy kết trách nhiệm buộc bà Bông E, ông H pH có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay cho ông Chiêu A là chưa có cơ sở vững chắc.

Từ những nhận định trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng từ khi giai đoạn giải quyết vụ án, đến khi đưa vụ án ra xét xử, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, từ đó dẫn đến nội dung giải quyết vụ án bị ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cấp phúc thẩm

không thể khắc phục được, nên yêu cầu kháng cáo của Bà Bông E là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, do đó cần hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Đối với trường hợp bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án pH lập Biên bản không tiến hành hòa giải được, nhưng trong vụ án này cấp sơ thẩm lại lập Biên bản hòa giải ngày 05/01/2021 là không đúng, bởi vì nếu lập biên bản hòa giải mà phía bị đơn vắng mặt, chỉ có mặt nguyên đơn thì hòa giải như thế nào, hòa giải với ai, về vấn đề gì, do đó Tòa án nhân dân huyện CM cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về vấn đề này.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên Bà Bông E không pH chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bông E.

- Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh A, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh A giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bông E không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị Bông E số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002208 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh A.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh A;
- TAND huyện CM;
- Chi cục THA-DS huyện Chợ Mới;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phạm Tấn Tài**

